

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA SÚP  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 01 - 2024

*V/v tranh chấp hôn nhân và  
gia đình.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP**

***- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Quốc Chinh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Việt Nga

Ông Bành Trọng Bình

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Hồng Nhung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Quý Tinh – C/v kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023.

***1. Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị H - SN: 1979

Địa chỉ: Thôn 09, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

***2. Bị đơn:*** Anh Vũ Duy T – SN: 1976

Địa chỉ: Thôn 09, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Lê Thị H trình bày:

Tôi và anh Vũ Duy T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996, tại xã E nay là thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, chúng tôi được hai bên gia đình nội, ngoại làm lễ cưới theo phong tục tập quán và mời dân làng, hai bên họ hàng đến dự lễ cưới, tuy nhiên do chúng tôi chưa hiểu biết pháp luật nên chúng tôi không đi đăng ký kết hôn, do vậy từ năm 1996 đến nay tôi và anh Vũ Duy T không có đăng ký kết hôn tại trấn E theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu và có với nhau 03 con chung là Vũ Duy H –SN: 22/07/1998, Vũ Thị

Huyền Tr – SN: 10/05/2021, Vũ Lê Thảo N – SN: 18/03/2015, nhưng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nhất là vấn đề tình cảm, anh T ngang nhiên có quan hệ ngoại tình, bất chính với người phụ nữ khác. Tôi khuyên bảo thì anh T đe dọa tôi, hai bên gia đình cũng như chính quyền góp ý khuyên bảo nhưng chúng tôi không thể sống hòa hợp được với nhau, tình cảm giữa tôi và anh T không còn nữa nên tôi và anh T đã sống ly thân với nhau từ tháng 09/2023 tới nay. Nay tôi thấy tình cảm giữa tôi và anh T không còn nữa nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Súp giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Vũ Duy T.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung Vũ Duy H –SN: 22/07/1998, Vũ Thị Huyền Tr – SN: 10/05/2001, Vũ Lê Thảo N – SN: 18/03/2015. Nay ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu Vũ Lê Thảo N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Đối với cháu Vũ Duy H, Vũ Thị Huyền Tr hiện nay đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật và đã có gia đình riêng, có công ăn việc làm để tự nuôi mình nên tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi yêu cầu anh Vũ Duy T phải cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ: Tôi với anh Vũ Duy T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn anh Vũ Duy T trình bày: Tôi và chị Lê Thị H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996, tại xã E nay là thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, chúng tôi được hai bên gia đình nội, ngoại làm lễ cưới theo phong tục tập quán và mời dân làng, hai bên họ hàng đến dự lễ cưới, tuy nhiên do chưa hiểu biết pháp luật, do vậy từ năm 1996 đến nay tôi và chị Lê Thị H không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng tôi hạnh phúc trong thời gian đầu và có với nhau 03 con chung là Vũ Duy H –SN: 22/07/1998, Vũ Thị Huyền Tr – SN: 10/05/2001, Vũ Lê Thảo N – SN: 18/03/2015, nhưng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nhất là vấn đề tình cảm. Nay chị Lê Thị H yêu cầu ly hôn với tôi, tôi thấy tình cảm giữa tôi và chị Lê Thị H không còn nữa nên tôi cũng đồng ý và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Súp giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Lê Thị H.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung Vũ Duy H –SN: 22/07/1998, Vũ Thị Huyền Tr – SN: 10/05/2001, Vũ Lê Thảo N – SN: 18/03/2015. Nay ly hôn chị H yêu cầu được nuôi cháu Vũ Lê Thảo N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, tôi cũng đồng ý theo yêu cầu của chị H theo biên bản hòa giải ngày 29/12/2023.

Đối với cháu Vũ Duy H, Vũ Thị Huyền Tr hiện nay đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật và đã có gia đình riêng, có công ăn việc làm để tự nuôi mình nên tôi cũng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, theo biên bản hòa giải ngày 29/12/2023.

Về tài sản, công nợ: Tôi đồng ý với chị Lê Thị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 29 tháng 12 năm 2023 các đương sự đã được tiếp cận, thống nhất với chứng cứ đã được công khai và không thay đổi bổ sung đơn khởi kiện hay nộp chứng cứ gì mới, không yêu cầu phản tố, không yêu cầu triệu tập đương sự khác đến tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 98, 175, 176, 197, 198, 204 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị H tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Vũ Duy T và chị Lê Thị H là quan hệ vợ chồng. Về con chung giao con chung Vũ Lê Thảo N cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu Vũ Duy H, Vũ Thị Huyền Tr đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật, tài sản, công nợ các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Vũ Duy T có nơi cư trú thôn 09, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Vũ Duy T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 tại xã E nay là thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, chị H và anh T có làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. UBND thị trấn E và Phòng tư pháp huyện E nơi chị H và anh T tổ chức lễ cưới và cư trú đến nay, đều xác nhận chị H và anh T không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên chị H và anh T đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong thời gian chung sống chị H và anh T nảy sinh

hiều mâu thuẫn nguyên nhân là do tình không hợp nhau, thường hay cãi nhau, bất đồng trong quan điểm sống, nhất là vấn đề tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên chị H và anh T đã sống ly thân với nhau từ tháng 09/2023 tới nay. Xét tình cảm, hạnh phúc của chị H và anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị H và anh Vũ Duy T là quan hệ vợ chồng là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Vũ Duy T không có con nuôi, con riêng, anh, chị có 03 con chung Vũ Duy H –SN: 22/07/1998, Vũ Thị Huyền Tr – SN: 10/05/2001, Vũ Lê Thảo N – SN: 18/03/2015. Nay chị H yêu cầu được nuôi cháu Vũ Lê Thảo N. Xét điều kiện nuôi con của chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy chị H có công việc, có nơi cư trú ổn định nên chị H có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, quá trình giải quyết vụ án theo biên bản hòa giải ngày 29/12/2023 anh T đồng ý giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng cũng là theo nguyện vọng của cháu N nên Hội đồng xét xử có cơ sở để giao cháu Vũ Lê Thảo N cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng anh Vũ Duy T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 15/01/2024, theo biên bản hòa giải ngày 29/12/2023 nên Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận giữa chị Lê Thị H và anh Vũ Duy T về con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Vũ Duy H, Vũ Thị Huyền Tr đã trên 18 tuổi, theo xác nhận của chính quyền địa phương thì các cháu hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật, chị H và anh T cũng không có con nuôi, con riêng, chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Vũ Duy T phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 246, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm b khoản 6, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

**Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị H, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị H và anh Vũ Duy T.

**Công nhận sự thỏa thuận của chị Lê Thị H và anh Vũ Duy T về con chung và cấp dưỡng nuôi con cụ thể như sau:**

**Về con chung:** Giao cháu Vũ Lê Thảo N– SN: 18/03/2015 cho chị Lê Thị H nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị H không được quyền ngăn cản anh Vũ Duy T đến thăm nom chăm sóc con chung.

**Về cấp dưỡng:** Anh Vũ Duy T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 15/01/2024.

Chị Lê Thị H và anh Vũ Duy T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đối với cháu Vũ Duy H, Vũ Thị Huyền Tr hiện nay đã trên 18 tuổi và hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật, có khả năng lao động tự nuôi sống mình, chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**Về tài sản, công nợ:** Chị Lê Thị H và anh Vũ Duy T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**Về án phí:** Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0003494 ngày 12/12/2023. Anh Vũ Duy T phải chịu 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

**Quyền kháng cáo:** các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Chi cục THA huyện E;
- UBND thị trấn E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Lưu Quốc Chinh**